

Số: 53/2020/DS-ST

Ngày: 30-12-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXX-DSST ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TP; Địa chỉ: Tòa nhà TP B, số 57 LTK, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Hoàng Văn C; Địa chỉ: số 56-58 Y J, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền số 729/2020/GUQ-TPB.CMC, ngày 02/10/2020) (Có mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn 2, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP TP (viết tắt là TP Bank) và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Theo hợp đồng cho vay số 550/2017/HDTD/DLK/01 ngày 29/5/2017 ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H ký kết với Ngân hàng TMCP TP vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay là 9.8%/năm thời hạn vay 60 tháng từ ngày 31/5/2017

đến 30/5/2022, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo công thức: $LS_{13} + 4.2\% + X$. Tức là lãi suất gửi tiết kiệm 13 tháng + biên độ 4.1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, Thời hạn trả gốc định kỳ 01 năm /lần, theo lịch do TP Bank gửi khách hàng. Thời hạn trả lãi 06 tháng một lần, vào ngày 15 hàng tháng.

Khi vay ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H có thể chấp 01 quyền sử dụng đất thửa đất số 63 tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/5/2017 mang tên bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ký hợp đồng ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng thỏa thuận đến ngày 15/6/2019 mới trả được 70.753.110 đồng, trong đó 40.000.000 đồng tiền gốc và 30.753.110 đồng tiền lãi. Vì vậy khoản nợ còn lại của ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H đã chuyển lãi quá hạn từ ngày 18/02/2020 và ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 30/12/2020 là 199.296.226 đồng, trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 29.878.575 đồng, lãi quá hạn 7.723.726 đồng ,lãi chậm trả 1.693.925 đồng và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 63 tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099736 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/5/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị H mà gia đình ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H đã thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án cho ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H, yêu cầu đương sự phải có mặt tại Tòa án để làm việc. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do. Theo biên bản xác minh tại Công an xã R, huyện M nơi bị đơn ông Nguyễn Xuân H bà Nguyễn Thị H sinh sống thì ông bà hiện đăng ký Hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thôn 2, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương nên nguyên đơn đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Ngày 28/10/2020 TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: thửa đất số 63 tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông, đứng tên bà Nguyễn Thị H. Kết quả xem

xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là phù hợp, đúng vị trí thửa đất thế chấp, phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 317, Điều 318, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của BLDS năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 30/12/2020 là 199.296.226 đồng, trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 29.878.575 đồng, lãi quá hạn 7.723.726 đồng, lãi chậm trả 1.693.925 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

- Về lệ phí: Nguyên đơn nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. (Được phát sóng trên đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03 ngày liên tiếp và đăng thông báo ấn định thời gian làm việc trên báo công lý trong ba số liên tiếp), nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H. Việc ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng cho vay số 550/2017/HDTD/DLK/01 ngày 29/5/2017 ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H ký kết với Ngân hàng TMCP TP vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay là 9.8%/năm thời hạn vay 60 tháng từ ngày 31/5/2017 đến 30/5/2022, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo công thức: $LS_{13} + 4.2\% + X$. Tức là lãi suất gửi tiết kiệm 13 tháng + biên độ 4.1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, Thời hạn trả gốc định kỳ 01 năm /lần, theo lịch do TP Bank gửi khách hàng. Thời hạn trả lãi 06 tháng một lần, vào ngày 15 hàng tháng. Đối với khoản vay này ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H mới trả cho Ngân hàng được số tiền 70.753.110 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền gốc và 30.753.110 đồng tiền lãi đến ngày 15/6/2019.

Do đó Ngân hàng đã chuyển nợ của ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H sang nợ quá hạn bằng thông báo chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/2/2020 và thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng ông bà không có ý thức trả nợ cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo mục 7.6 Điều 7 của Hợp đồng cho vay được lập giữa hai bên, vì vậy các khoản nợ của ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H đã bị chuyển thành nợ quá hạn và thu hồi trước hạn theo mục 8.3 Điều 8 của Hợp đồng cho vay.

Tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2020 là 199.296.226 đồng, trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 29.878.575 đồng, lãi quá hạn 7.723.726 đồng, lãi chậm trả 1.693.925 đồng và xử lý tài sản thế chấp của ông

Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 550/2017/HDBD/DLK/01 ngày 29/5/2017.

Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay 550/2017/HDTD/DLK/01 ngày 29/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP TP với ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H: Nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 29/5/2017 thể hiện có hiệu lực đăng ký từ ngày 29/5/2017 nên có giá trị để đảm bảo thanh toán cho số tiền nợ của bị đơn theo hợp đồng tín dụng, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết tín dụng đã ký với bên Ngân hàng, vi phạm mục 6.2 Điều 6 của hợp đồng thế chấp; Áp dụng Điều 317, Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015 thì các bên đã phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ để xử lý tài sản thế chấp. Do đó trường hợp ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng Tiên Phong có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 550/2017/HDBD/DLK/01 ngày 29/5/2017 đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 63 tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099736 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/5/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 3.000.000 đồng lệ phí theo quy định Điều 180 của BLTTDS.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định Điều 157, Điều 165 của BLTTDS.

[5] Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 317, Điều 318, Điều 322, Điều 323, Điều

463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của BLDS năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP TP (viết tắt là TP Bank) với bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1. Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP số tiền 199.296.226đ (*Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), lãi trong hạn 29.878.575đ (*Hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*), lãi quá hạn 7.723.726đ (*Bảy triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*), lãi chậm trả 1.693.925đ (*Một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2020) ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP TP có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thửa đất số 63 tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099736 được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 16/5/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.964.000đ (*Chín triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP TP – Chi nhánh Đắk Lắk số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 4.592.000đ (*Bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0003419 ngày 15/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), Nguyên đơn phải chịu (đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP TP – Chi nhánh Đắk Lắk số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

